

BÀI 9: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật

1.1 Khái niệm quan hệ pháp luật

Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, trong đó các bên tham gia đáp ứng được những điều kiện do nhà nước quy định, có những quyền và nghĩa vụ nhất định theo quy định của pháp luật.

1.2 Đặc điểm của quan hệ pháp luật

-Quan hệ pháp luật là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh.

-Quan hệ pháp luật là một loại quan hệ tư tưởng, quan hệ pháp luật thuộc kiến trúc thượng tầng và phụ thuộc cơ sở hạ tầng.

-Quan hệ pháp luật mang tính ý chí nhà nước.

-Nội dung của quan hệ pháp luật là các quyền, nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ đó; hay nói cách khác các bên tham gia quan hệ pháp luật có các quyền, nghĩa vụ pháp lý và được Nhà nước đảm bảo thực hiện.

-Quan hệ pháp luật có tính xác định (có cơ cấu chủ thể xác định và phát sinh, thay đổi và chấm dứt theo các căn cứ cụ thể nhất định).

2. Thành phần của quan hệ pháp luật

2.1 Chủ thể

2.1.1. Khái niệm:

Cá nhân, tổ chức đáp ứng được những điều kiện do nhà nước quy định cho mỗi loại quan hệ pháp luật và tham gia vào quan hệ pháp luật đó thì được gọi là chủ thể của quan hệ pháp luật.

Những điều kiện mà cá nhân, tổ chức đáp ứng được để có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật được gọi là **năng lực chủ thể**.

Năng lực chủ thể gồm hai yếu tố: năng lực pháp luật và năng lực hành vi

-Năng lực pháp luật: là khả năng hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

-Năng lực hành vi: là khả năng của cá nhân, tổ chức được nhà nước thừa nhận, bằng hành vi của chính mình xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý cũng như độc lập chịu trách nhiệm về những hành vi của mình.

-Mối quan hệ giữa năng lực pháp luật và năng lực hành vi:

+ Năng lực pháp luật là điều kiện cần, năng lực hành vi là điều kiện đủ để cá nhân, tổ chức trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.

+ Nếu chủ thể có năng lực pháp luật mà không có hoặc mất năng lực hành vi hay bị Nhà nước hạn chế năng lực hành vi thì họ không thể tham gia một cách tích cực vào các quan hệ pháp luật. Chủ thể chỉ có thể tham gia thụ động vào các quan hệ pháp luật hoặc được Nhà nước bảo vệ trong các quan hệ pháp luật nhất định. Thông qua hành vi và ý chí của người thứ ba.

+ Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi nên không thể có chủ thể pháp luật không có năng lực pháp luật mà lại có năng lực hành vi. Vì khi không quy định các quyền, nghĩa vụ pháp lý cho chủ thể thì Nhà nước cũng không cần phải tính đến điều kiện để cá nhân, tổ chức có thể thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý đó.

+ Năng lực pháp luật của cá nhân mở rộng dần theo năng lực hành vi của họ.

Lưu ý:

-Năng lực pháp luật và năng lực hành vi không phải là thuộc tính tự nhiên mà là những thuộc tính pháp lý của chủ thể.

-Năng lực pháp luật và năng lực hành vi đều được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với các quốc gia khác nhau, hoặc trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau ở mỗi nhà nước, năng lực chủ thể của cá nhân, tổ chức được quy định khác nhau

2.1.2. Các loại chủ thể:

1) Cá nhân (công dân, người nước ngoài, người không có quốc tịch).

-Đối với công dân:

+ Năng lực pháp luật của công dân có từ khi người đó được sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

+ Năng lực hành vi của công dân: xuất hiện muộn hơn năng lực pháp luật và phát triển theo quá trình phát triển tự nhiên của con người. Khi công dân đạt những điều kiện do pháp luật quy định như độ tuổi, khả năng nhận thức, trình độ chuyên môn... thì được xem là có năng lực hành vi.

-Đối với người nước ngoài và người không có quốc tịch: Năng lực chủ thể của họ bị hạn chế hơn so với công dân.

2) *Pháp nhân*: là một khái niệm pháp lý phản ánh địa vị pháp lý của một tổ chức. Để một tổ chức được công nhận là pháp nhân thì tổ chức đó phải có các điều kiện cơ bản như sau:

- Là tổ chức được thành lập một cách hợp pháp.
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ.
- Có tài sản riêng và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó khi tham gia quan hệ pháp luật.
- Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Năng lực chủ thể của pháp nhân:

- Năng lực pháp luật của pháp nhân:
 - + Năng lực pháp luật của pháp nhân mang tính chuyên biệt.
 - + Phát sinh: từ thời điểm được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập. Đối với các pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật của pháp nhân phát sinh từ thời điểm được cấp giấy phép hoạt động.
 - + Chấm dứt: từ thời điểm chấm dứt sự tồn tại của pháp nhân trong một số trường hợp như: phá sản, giải thể, chia nhỏ, hợp nhất...
- Năng lực hành vi của pháp nhân: phát sinh và chấm dứt cùng thời điểm với năng lực pháp luật của pháp nhân.

Ngoài pháp nhân còn có các thực thể nhân tạo khác tuy không phải là pháp nhân nhưng có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật khi có năng lực chủ thể như công ty hợp danh, tổ hợp tác, xí nghiệp thành viên của công ty...

3) *Nhà nước*: là chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật, vì nhà nước là chủ thể của quyền lực chính trị của toàn xã hội, là chủ sở hữu lớn nhất trong xã hội, nhà nước là chủ thể của các quan hệ pháp luật quan trọng.

2.2. Nội dung của quan hệ pháp luật

2.2.1. Quyền chủ thể

-Khái niệm: Quyền chủ thể là khả năng xử sự của chủ thể được hình thành trên cơ sở các quy định của pháp luật.

-Đặc điểm:

- + Là khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định được pháp luật cho phép.
- + Khả năng của chủ thể yêu cầu các chủ thể có liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của họ hoặc yêu cầu họ chấm dứt những hành vi cản trở nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền chủ thể của mình.

- + Khả năng của chủ thể yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình.

2.2.2. Nghĩa vụ pháp lý:

-Khái niệm: Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể là cách xử sự mà Nhà nước bắt buộc chủ thể phải tiến hành theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác.

-Đặc điểm:

- + Là sự bắt buộc chủ thể phải có những xử sự nhất định theo quy định của pháp luật
- + Cách xử sự này nhằm đáp ứng quyền của chủ thể khác trong quan hệ pháp luật.
- + Trong trường hợp cần thiết, nghĩa vụ pháp lý sẽ được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế Nhà nước.

2.3. Khách thể của quan hệ pháp luật

-Là những lợi ích mà các bên tham gia quan hệ pháp luật mong muốn đạt được khi tham gia quan hệ pháp luật.

-Khách thể là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia quan hệ pháp luật.

3. Sự kiện pháp lý

3.1 Khái niệm: Sự kiện pháp lý là điều kiện, hoàn cảnh, tình huống của đời sống thực tế mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng được quy phạm pháp luật gắn với sự phát sinh thay đổi hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

3.2 Phân loại:

-Căn cứ vào số lượng các điều kiện, hoàn cảnh làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật, sự kiện pháp lý được chia thành hai loại:

- + Sự kiện pháp lý giản đơn
- + Sự kiện pháp lý phức tạp.

-Căn cứ theo tiêu chuẩn ý chí, sự kiện pháp lý được phân loại thành:

- + Sự biến pháp lý.
- + Hành vi pháp lý.

-Căn cứ vào kết quả tác động của sự kiện pháp lý đối với quan hệ pháp luật, có ba loại sự kiện:

- + Sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật.
- + Sự kiện pháp lý làm thay đổi quan hệ pháp luật.
- + Sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ pháp luật.